

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/01/2022

V/v: “xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Mộng Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Huỳnh Hữu Phước

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án

Ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 393/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

2/- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

(Nguyên đơn chị K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh V vắng mặt lần 02 không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:*

Chị và anh V cưới nhau vào năm 2000, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Ba Tri vào ngày 01/11/2002. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm, sau khi sinh con được 01 năm thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh V không lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, không chăm lo vợ con mà hay nhậu say xỉn về gây chuyện đánh đập chị

nhiều lần chị, chị cố nhẫn nhịn khuyên bảo chồng nhưng vẫn không hề thay đổi, vì con chị cố nhin để chung sống với anh V. Đến năm 2013 chị không thể chịu được nữa nên chị nộp đơn xin ly hôn với anh V. Đến Tòa, anh V năn nỉ hứa sửa đổi tính tình, vì thương con nên chị rút đơn vợ chồng hàn gắn lại nhưng sau đó vợ chồng vẫn không thể sống hạnh phúc do anh V vẫn không sửa đổi tính tình nên cũng từ năm 2013 chị cùng con gái trở về sống ở xã N và vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh V.

Về con chung: Nguyễn Thị Bé N, sinh ngày 29/08/2001, hiện con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn Nguyễn Văn V, Tòa án có tổng đạt các thông báo cho anh V tham gia hòa giải giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị K nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh V và vụ án không tiến hành hòa giải được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

*Về thủ tục:* tại phiên toà, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng tại phiên toà vẫn vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 BLTTDS.

*Về nội dung:*

[1] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn V cưới nhau vào năm 2000, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Ba Tri vào ngày 01/11/2002. Do đó, hôn nhân của chị K và anh V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị K đã từng nộp đơn ra tòa xin ly hôn với anh V nhưng còn thương anh V và con nên chị rút đơn để vợ chồng hàn gắn cùng lo gia đình chăm con nhưng sau đó vẫn không thể sống hạnh phúc nên chị đã về Tân Mỹ sống và vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị K xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên chị K yêu cầu xin ly hôn với anh V và anh V không đến Tòa để hòa giải hàn gắn hay có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị K. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị K và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị K là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Về con chung: Nguyễn Thị Bé N, sinh ngày 29/08/2001, hiện con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng ổn định nên chị không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung: chị K khai không có, anh V vắng mặt nên HĐXX không xem xét.

[4] Về nợ chung:chị K khai không có nợ chung, anh V vắng mặt nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị K phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị K đối với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Bé N, sinh ngày 29/08/2001, đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị K không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung : Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5 . Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị K phải nộp. Chị K được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003101 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân chị K đã nộp xong

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà

có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã N;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

**Đặng Mộng Tuyên**